

HƯỚNG DẪN

Khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Kính gửi:

- UBND các xã, phường;
- Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Các Trung tâm Y tế khu vực;
- Trạm Y tế xã.

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do trạm y tế xã, phường thực hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Sở Y tế hướng dẫn công tác khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh như sau:

I. KHÁM SỨC KHOẺ ĐỊNH KỲ

1. Khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 06 tuổi không đi học

a) Địa điểm thực hiện: tại Trạm Y tế xã, phường hoặc tại cơ sở y tế.

b) Đối tượng: Trẻ em dưới 06 tuổi không đi học

c) Tần suất thực hiện

+ Trẻ từ trên 01 tháng đến dưới 24 tháng tuổi: 06 tháng/01 lần;

+ Trẻ từ 24 tháng đến dưới 06 tuổi:

d) Nội dung

- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sự phát triển về thể chất, tinh thần, vận động;

- Sàng lọc, phát hiện bệnh tật, các dấu hiệu bất thường và nguy cơ về

bệnh tật;

- Kiểm tra tiêm chủng và tư vấn theo lịch tiêm chủng trẻ em;

- Tư vấn, hướng dẫn cha mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về: theo dõi sự phát triển của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng; nuôi dưỡng trẻ phù hợp với độ tuổi; phòng,

chống thiếu vi chất dinh dưỡng; chăm sóc răng miệng, vệ sinh thân thể; phòng, chống tai nạn, thương tích; phát hiện các dấu hiệu bất thường, nguy cơ về bệnh tật và xử trí;

- Kết luận về tình trạng sức khỏe; tư vấn, chuyển đến cơ sở y tế phù hợp nếu phát hiện bệnh tật hoặc các dấu hiệu bất thường hoặc nguy cơ về bệnh tật;

- Cấp phát sản phẩm bổ sung các vi chất dinh dưỡng (nếu có) hoặc tư vấn, hướng dẫn cho cha mẹ sử dụng các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ từ 06 tháng đến dưới 36 tháng;

- Ghi chép kết quả khám sức khỏe định kỳ vào Hồ sơ theo dõi sức khỏe và Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

e) Nhân lực khám

- Bố trí nhân lực cho một ekip khám như sau:

+ 01 bác sĩ. Trường hợp Trạm y tế không có bác sĩ, trung tâm Y tế khu vực cử bác sĩ đến hỗ trợ trạm y tế xã, phường khám. Nếu không thể bố trí bác sĩ, phân công 01 y sĩ có trên 3 năm kinh nghiệm để tham gia khám.

+ 02 nhân viên y tế (điều dưỡng, hộ sinh hoặc nhân viên y tế công cộng).

+ Các nhân viên tham gia khám phải được tập huấn hoặc được phổ biến về nội dung khám sức khỏe định kỳ theo hướng dẫn này.

+ Có thể huy động sinh viên tình nguyện của trường đào tạo nhân lực y tế trên địa bàn; Y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản... để hỗ trợ công tác đón tiếp, hướng dẫn cha mẹ đưa trẻ đến các bàn khám...

- Căn cứ tình hình thực tiễn về nhân lực y tế và số lượng trẻ đến khám, trạm y tế bố trí 01 ekip khám hoặc nhiều hơn trong một buổi khám.

f) Các bước thực hiện

- Trạm Y tế lập kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em trên địa bàn hàng quý, gửi TTYT khu vực và UBND xã, phường (*Mẫu kế hoạch - Phụ lục 7 Quyết định số 2246/QĐ-BYT*). Nếu cần hỗ trợ nhân lực từ TTYT Khu vực, TYT xã, phường cần nêu rõ trong kế hoạch. Đồng thời, phối hợp với chính quyền, đoàn thể xã/thôn thực hiện truyền thông đến cộng đồng về tầm quan trọng và mục đích của khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em.

- Trạm Y tế thông báo đến cha mẹ của từng trẻ 2-3 ngày trước khi buổi khám được tổ chức (*Mẫu tờ thông tin về khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi - Phụ lục 9*). Không mời quá 30 trẻ trong một buổi khám để đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Căn cứ tình hình thực tiễn, địa phương triển khai buổi khám sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 24 tháng tuổi riêng hoặc kết hợp trong buổi tiêm chủng mở rộng.

2. Khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho học sinh

a) Địa điểm thực hiện: Tại trạm Y tế xã hoặc tại cơ sở y tế hoặc tại các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn xã.

b) Đối tượng: Trẻ em ở các cơ sở giáo dục mầm non và học sinh ở các cơ sở giáo dục phổ thông.

c) Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm.

d) Nội dung

- Khám, kiểm tra sức khỏe cho trẻ em, học sinh bao gồm: thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực, thính lực...; phát hiện các trường hợp suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác tùy theo mỗi cấp học khác nhau;

- Kiểm tra lịch tiêm chủng và tư vấn tiêm chủng;

- Tư vấn, hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng và vận động thể lực hợp lý cho trẻ em, học sinh và phụ huynh;

- Cấp phát sản phẩm bổ sung các vi chất dinh dưỡng (nếu có) hoặc tư vấn, hướng dẫn cho cha mẹ sử dụng các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ từ 06 tháng đến dưới 36 tháng.

e) Nhân lực đảm bảo khám sức khỏe định kỳ (Phần 3 Phụ lục 1 Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

- Đảm bảo có 4 Bác sỹ đa khoa trở lên (Trường hợp trạm Y tế không đủ bác sỹ thì phải đảm bảo ít nhất 01 Bác sỹ và 03 Y sỹ có ít nhất 3 năm kinh nghiệm).

- 02 nhân viên y tế (điều dưỡng, hộ sinh hoặc nhân viên y tế công cộng).

- Các nhân viên tham gia khám phải được tập huấn hoặc được phổ biến về nội dung khám sức khỏe định kỳ theo hướng dẫn này.

- Có thể huy động sinh viên tình nguyện của trường đào tạo nhân lực y tế trên địa bàn; Y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản... để hỗ trợ công tác đón tiếp, hướng dẫn cha mẹ đưa trẻ đến các bàn khám...

- Căn cứ tình hình thực tiễn về nhân lực y tế và số lượng học sinh đến khám, trạm y tế bố trí 01 ekip khám hoặc nhiều hơn trong một buổi khám.

f) Các bước triển khai

- Trạm Y tế xã Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc lập kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho học sinh theo độ tuổi.

- Phối hợp với các Trường trên địa bàn xã, phường lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

g) Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (đủ từ 18 tuổi trở lên)

a) Địa điểm thực hiện: Tại các bệnh viện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm Y tế khu vực, phòng khám đa khoa khu vực (nếu đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị), Tại các doanh nghiệp (nếu bố trí được địa điểm khám và cơ sở khám chữa bệnh có đủ điều kiện khám lưu động).

b) Đối tượng: Người đủ 18 tuổi trở lên làm việc tại các cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân (nông dân, nghề nghiệp tự do...).

c) Tần suất thực hiện: Ít nhất 1 lần/năm cho người lao động, và 6 tháng/lần đối với lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người cao tuổi, hoặc khuyết tật.

d) Nội dung: Khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm các nội dung sau: Khám tổng quát (nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, da liễu, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt) và cận lâm sàng (Xét nghiệm công thức máu, sinh hoá máu, xét nghiệm nước tiểu, chụp xquang tim phổi thẳng)

e) Nhân lực: Bố trí bác sỹ chuyên khoa khám phù hợp các nội dung khám được quy định tại mẫu số 03, Phụ lục XIV, Thông tư số 32/2023/TT-BYT, bao gồm tối thiểu: 07 Bác sỹ (01 Bác sỹ Nội khoa, 01 Bác sỹ Ngoại, 01 Bác sỹ Da liễu, 01 Bác sỹ Sản phụ khoa, 01 Bác sỹ Mắt, 01 Bác sỹ Tai - Mũi - Họng, 01 Bác sỹ Răng - Hàm - Mặt), 01 cử nhân xét nghiệm, 01 kỹ thuật viên Xquang. *(Trường hợp không có Bác sỹ chuyên khoa thì Bác sỹ đa khoa phải có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa 6 tháng nhưng phải có quyết định phân công của đơn vị).*

f) Trách nhiệm thực hiện

UBND xã chỉ đạo các cơ quan đơn vị và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn chủ động phối hợp với các đơn vị y tế đủ điều kiện (*bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế khu vực,...*) để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

g) Kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí các cơ quan, đơn vị và kinh phí do các cơ sở sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp chi trả cho các cơ sở khám chữa bệnh theo quy định hiện hành. Đối với người dân không làm việc trong các quan nhà nước, các doanh nghiệp nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh.

4. Khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi

a) Địa điểm thực hiện: Tại các cơ sở y tế đủ điều kiện khám sức khỏe định kỳ. Trường hợp thực hiện tại trạm Y tế xã (*không đủ điều kiện*) thì khám tại trung tâm Y tế khu vực, phòng khám đa khoa khu vực hoặc các cơ sở y tế đủ điều kiện.

b) Đối tượng: người từ đủ 60 tuổi trở lên trên địa bàn xã (nơi cư trú).

c) Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm.

d) Nội dung: Khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, gồm các nội dung sau: Khám tổng quát (nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, da liễu, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt) và cận lâm sàng (Xét nghiệm công thức máu, sinh hoá máu, xét nghiệm nước tiểu, chụp xquang tim phổi thẳng).

e) Nhân lực: Bố trí bác sỹ chuyên khoa khám phù hợp các nội dung khám được quy định tại mẫu số 03, Phụ lục XIV, Thông tư số 32/2023/TT-BYT, bao gồm tối thiểu: 07 Bác sỹ (01 Bác sỹ Nội khoa, 01 Bác sỹ Ngoại, 01 Bác sỹ Da liễu, 01 Bác sỹ Sản phụ khoa, 01 Bác sỹ Mắt, 01 Bác sỹ Tai - Mũi - Họng, 01 Bác sỹ Răng - Hàm - Mặt), 01 cử nhân xét nghiệm, 01 kỹ thuật viên Xquang.

Đối với các cơ sở y tế (Trạm Y tế) không đủ điều kiện khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi định kỳ xây dựng Kế hoạch mời trung tâm Y tế khu vực bố trí nhân lực khám tại Phòng khám đa khoa khu vực hoặc trạm Y tế (Nếu có máy Xquang di động).

f) Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất để bố trí các phòng khám theo các chuyên khoa đồng thời phải đảm bảo đầy đủ trang thiết bị cần thiết theo từng chuyên khoa và đặc biệt phải có máy xét nghiệm sinh hoá, huyết học và Xquang.

g) Các bước triển khai

- Trạm Y tế xã phường thống kê số lượng người cao tuổi trên địa bàn (*trừ các trường hợp đã được khám theo đối tượng tỉnh quản và những người từ 30 năm tuổi đảng trở lên*)

- Tham mưu UBND xã xây dựng Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi trên địa bàn gửi trung tâm Y tế khu vực và Sở Y tế (trường hợp cần sự hỗ trợ của Trung tâm Y tế thì nội dung thể hiện rõ trong Kế hoạch).

- Tuyên truyền vận động người cao tuổi đến khám sức khỏe định kỳ theo kế hoạch.

h) Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước (*UBND xã xây dựng dự toán trình Sở Tài chính cấp kinh phí theo giá dịch vụ khám sức khỏe định kỳ ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND*)

II. KHÁM SÀNG LỌC CHO NGƯỜI DÂN

1. Tầm soát (sàng lọc) sơ sinh

a) Địa điểm thực hiện: Tại các cơ sở khám chữa bệnh, phòng khám đa khoa khu vực, Trạm Y tế xã hoặc tại nhà (trường hợp đẻ tại nhà) hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.

b) Đối tượng: Trẻ sơ sinh có độ tuổi từ 24 giờ đến 72 giờ (thời điểm lấy mẫu máu trẻ sơ sinh tốt nhất là 48 giờ sau sinh).

c) Tần suất thực hiện: 01 lần/01 trẻ.

d) Nội dung: Sàng lọc sơ sinh gồm 05 bệnh/tật (Suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh -theo quy định tại Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021).

Ngoài ra cần thực hiện tư vấn cho cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ sơ sinh về ý nghĩa, lợi ích và rủi ro có thể xảy ra khi tiến hành các kỹ thuật áp dụng trong sàng lọc; trình tự các bước thực hiện các kỹ thuật áp dụng trong sàng lọc đối với từng trường hợp cụ thể, những hậu quả do các bệnh lý liên quan đến rối loạn nội tiết - chuyển hóa - di truyền gây ra;

- Hướng dẫn cha mẹ hoặc người giám hộ đưa trẻ sơ sinh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp để thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán xác định bệnh nếu kết quả sàng lọc của trẻ nguy cơ mắc các bất thường bẩm sinh, các bệnh lý liên quan đến rối loạn nội tiết - chuyển hóa - di truyền;

- Thực hiện, quản lý, tư vấn, thông báo, báo cáo kết quả sàng lọc theo quy định.

e) Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo

- Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

- Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

- Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

f) Kinh phí thực hiện: Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh.

2. Tầm soát (Sàng lọc) trước sinh

a) Địa điểm thực hiện: Tại Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, trung tâm Y tế khu vực, Phòng khám đa khoa khu vực, trạm Y tế xã, phường các phòng khám sản phụ khoa tư nhân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng: Phụ nữ mang thai.

c) Tần suất thực hiện: 02 lần/01 đối tượng vào 03 tháng đầu và 03 tháng giữa của thai kỳ.

d) Nội dung: Sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh, tật cơ bản (Hội chứng Edward, hội chứng Down, hội chứng Patau, bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia - theo quy định tại Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021).

Ngoài ra cần thực hiện các nội dung khám thai định kỳ theo Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản đã được bảo hiểm y tế chi trả. Tư vấn về mục đích, ý nghĩa, lợi ích, rủi ro có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật áp dụng, trình tự các bước tiến hành trong sàng lọc trước sinh với từng trường hợp cụ thể; tư vấn về các bệnh lây truyền từ mẹ sang con thường gặp và biện pháp phòng chống; tư vấn và xét nghiệm sàng lọc HIV, viêm gan B và giang mai bằng kỹ thuật test nhanh (01 lần/thai kỳ); tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ khi mang thai, khi cho con bú và nuôi con bằng sữa mẹ; tư vấn, hướng dẫn về dự phòng thiếu vi chất dinh dưỡng;

- Cấp bổ sung sắt và axit folic (nếu phụ nữ mang thai chưa được bổ sung 02 vi chất dinh dưỡng này);

- Ghi chép kết quả khám sức khỏe định kỳ vào Hồ sơ theo dõi sức khỏe và Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Thực hiện, quản lý, tư vấn, thông báo, báo cáo kết quả sàng lọc theo quy định.

e) Quy trình, hướng dẫn triển khai sàng lọc trước sinh:

- Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

- Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

f) Kinh phí thực hiện: Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh.

3. Sàng lọc ung thư cổ tử cung

a) Địa điểm thực hiện: Tại trạm Y tế xã hoặc tại cơ sở y tế.

b) Đối tượng: Phụ nữ trên địa bàn xã trong độ tuổi từ 21-65 tuổi, ưu tiên độ tuổi từ 30-54 tuổi.

c) Tần suất thực hiện: 01 lần/01 phụ nữ/01 năm.

d) Nội dung

- Tư vấn về các biện pháp dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung;
- Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn;
- Khám bộ phận sinh dục ngoài;
- Khám âm đạo bằng mỏ vịt;
- Khám âm đạo bằng hai tay;
- Khám trực tràng;
- Thực hiện nghiệm pháp quan sát cổ tử cung với axit axetic (VIA) hoặc Lugol (VILI);
- Tư vấn và chuyển tuyến trên với những phụ nữ có kết quả nghiệm pháp VIA/VILI dương tính hoặc nghi ngờ ung thư.

e) Quy trình, hướng dẫn triển khai thực hiện theo

- Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tài liệu hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Quyết định số 3792/QĐ-BYT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung”.

f) Điều kiện thực hiện

- Người thực hiện: Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi hành nghề phù hợp, đã được đào tạo về thực hiện kỹ thuật VIA.

- Phụ nữ trong độ tuổi 21 - 65, đã có quan hệ tình dục, có thể quan sát được toàn bộ vùng chuyên tiếp, ưu tiên cho phụ nữ trong độ tuổi 30 - 49. Các đối tượng không đảm bảo các điều kiện trên cần được giới thiệu đến cơ sở có thể xét nghiệm tế bào CTC hoặc xét nghiệm HPV.

4. Sàng lọc bệnh không lây nhiễm bao gồm bệnh tăng huyết áp, bệnh đái tháo đường, bệnh hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, bệnh ung thư và một số bệnh rối loạn tâm thần

a) Địa điểm thực hiện: tại trạm Y tế xã hoặc tại cơ sở y tế hoặc điểm cung cấp dịch vụ tại cộng đồng hoặc tại nhà

b) Đối tượng và tần suất thực hiện

(1) Tăng huyết áp

- Đối tượng: ≥ 18 tuổi và có
- + Người có yếu tố nguy cơ, hoặc
- + Có chỉ số huyết áp $\geq 140/90$ mmHg, phát hiện thông qua đo huyết áp tại cộng đồng.

- Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm (sàng lọc riêng hoặc sàng lọc kết hợp với bệnh khác).

(2) Đái tháo đường

- Đối tượng: ≥ 18 tuổi và có
- + Người có yếu tố nguy cơ, hoặc
- + Có chỉ số glucose máu tĩnh mạch lúc đói $< 5,6$ mmol/L.
- Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm (sàng lọc riêng hoặc sàng lọc kết hợp với bệnh khác).

(3) Bệnh hen phế quản

- Đối tượng: ≥ 18 tuổi và có
- + Người có yếu tố nguy cơ, hoặc
- + Có triệu chứng hô hấp gợi ý.
- Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm (sàng lọc riêng hoặc sàng lọc kết hợp với bệnh khác).

(4) Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính

- Đối tượng: ≥ 18 tuổi và có
- + Người có yếu tố nguy cơ, hoặc
- + Có triệu chứng thường gặp.
- Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm (sàng lọc riêng hoặc sàng lọc kết hợp với bệnh khác).

(5) Bệnh ung thư

- Đối tượng: Người có yếu tố nguy cơ
- Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm (sàng lọc riêng hoặc sàng lọc kết hợp với bệnh khác).

(6) Một số bệnh rối loạn tâm thần

- Đối tượng: Người có yếu tố nguy cơ
- Tần suất thực hiện: 01 lần/01 năm (sàng lọc riêng hoặc sàng lọc kết hợp với bệnh khác).

c) Nội dung

- Sàng lọc nguy cơ bằng bảng kiểm hoặc bộ câu hỏi;
- Khám lâm sàng;
- Tiến hành các xét nghiệm sàng lọc bằng test nhanh như xét nghiệm đường máu mao mạch, cholesterol, axit uric; lưu lượng đỉnh kế;
- Tư vấn về phòng bệnh và các yếu tố nguy cơ của bệnh không lây nhiễm;

- Cập nhật hồ sơ quản lý sức khỏe.

d) Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước

5. Tổ chức tiêm chủng: tư vấn trước tiêm chủng, khám sàng lọc, tiêm chủng, theo dõi phản ứng sau tiêm chủng, quản lý đối tượng, thống kê báo cáo

a) Địa điểm thực hiện: Tại trạm Y tế xã hoặc tại cơ sở y tế hoặc điểm cung cấp dịch vụ tiêm chủng tại cộng đồng hoặc tại nhà.

b) Đối tượng: Trẻ em và phụ nữ có thai là đối tượng của Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên toàn quốc.

c) Tần suất thực hiện: Hằng tháng.

d) Nội dung

- Trước tiêm chủng: điều tra, lập danh sách đối tượng thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng; thông báo cho đối tượng tiêm chủng để tham gia tiêm chủng đúng lịch, đủ liều; khám sàng lọc; tư vấn trước tiêm chủng;

- Thực hiện tiêm chủng: thực hiện kiểm tra vắc xin, dung môi và bơm tiêm, kim tiêm trước khi sử dụng; cho đối tượng tiêm chủng hoặc cha, mẹ, người giám hộ của trẻ xem lọ vắc xin trước khi tiêm chủng; tiêm chủng theo đúng chỉ định, đúng vắc xin, đúng liều, đúng đường dùng, đúng thời điểm; các kỹ thuật tiêm chủng đối với từng mũi tiêm hoặc uống;

- Sau tiêm chủng: theo dõi sau tiêm chủng, hướng dẫn theo dõi sau tiêm chủng tại nhà và xử trí phản ứng bất thường (nếu có), Ghi đầy đủ thông tin vào phiếu hoặc sổ tiêm chủng của đối tượng tiêm chủng, nhập dữ liệu tiêm chủng và thống kê, báo cáo theo quy định.

6. Phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật trẻ em

a) Địa điểm thực hiện: Tại trạm Y tế xã hoặc tại cơ sở y tế hoặc tại các cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn xã hoặc tại nhà.

b) Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 06 tuổi.

c) Tần suất thực hiện: Định kỳ 02 lần/01 năm hoặc khi có nghi ngờ khuyết tật.

d) Nội dung

- Khám đánh giá, phân dạng khuyết tật (vận động; nghe, nói; nhìn; thần kinh, tâm thần; trí tuệ; khuyết tật khác) và đánh giá nhu cầu can thiệp phục hồi chức năng;

- Hướng dẫn phục hồi chức năng tại nhà cho gia đình hoặc tư vấn chuyển tuyến;

- Cập nhật thông tin người khuyết tật vào hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật.

e) Quy trình thực hiện

- Quyết định số 359/QĐ-BYT ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tài liệu hướng dẫn phát hiện sớm - can thiệp sớm khuyết tật trẻ em;

- Quyết định số 3815/QĐ-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế triển khai hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật;

- Quyết định số 1213/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành bộ tài liệu hướng dẫn công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

e) Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước, từ nguồn xã hội hoá.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn Sở Y tế

a) Phòng Nghiệp vụ Y

- Chủ trì tham mưu Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng thực hiện tại các đơn vị.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác.

b) Phòng Kế hoạch tài chính

- Tham mưu bố trí, phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

- Hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

c) Phòng Tổ chức cán bộ

- Tham mưu bố trí, điều động, tăng cường nhân lực y tế phục vụ công tác khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc.

- Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế.

d) Phòng Dân số và trẻ em

- Chủ trì triển khai các hoạt động liên quan đến chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan truyền thông nâng cao nhận thức của người dân.

- Theo dõi, quản lý dữ liệu và báo cáo kết quả thực hiện.

e) Phòng Bảo trợ xã hội

- Phối hợp triển khai các hoạt động phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật ở trẻ em.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong công tác quản lý, chăm sóc và phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật.

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra giám sát đối với các hoạt động khám sàng lọc các bệnh không lây nhiễm, tiêm chủng, sàng lọc ung thư cổ tử cung và các hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho trẻ dưới 6 tuổi không đi học, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, sinh viên.

- Chịu trách nhiệm quản lý, triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ trước ngày 10 hàng tháng báo cáo kết quả khám sàng lọc, khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh gửi Sở Y tế.

3. Bệnh viện đa khoa số 1, 2, chuyên khoa tuyến tỉnh

- Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật; hỗ trợ tuyến dưới trong công tác khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc.

- Cử cán bộ chuyên môn tham gia hỗ trợ khi có đề nghị của Trung tâm Y tế khu vực hoặc địa phương.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc theo chức năng nhiệm vụ; tiếp nhận, chẩn đoán, điều trị các trường hợp được chuyển tuyến.

- Tham gia đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở.

- Thực hiện thống kê, báo cáo theo quy định.

4. Trung tâm Y tế khu vực, Bệnh viện đa khoa số 3,4

- Chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc trên địa bàn quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn cho Trạm Y tế xã, phường; điều phối nhân lực, trang thiết bị khi cần thiết; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại tuyến xã;

- Chịu trách nhiệm khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn các xã được giao quản lý.

- Hướng dẫn Trạm Y tế xã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi và bố trí các điều kiện về nhân lực trang thiết bị để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi tại Trung tâm Y tế hoặc tại phòng khám đa khoa khu vực.

- Đề xuất kinh phí khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc cho người dân (không thuộc các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn), kinh phí khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả về Trung tâm kiểm soát bệnh tật vào ngày 08 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Sở Y tế theo quy định.

5. Trạm Y tế xã, phường

- Chủ trì triển khai trực tiếp các hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, trẻ dưới 6 tuổi không đi học và sàng lọc tại cộng đồng. Tham mưu UBND xã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm việc tại các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã; tham mưu kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) trên địa bàn xã. Đảm bảo 100% người dân được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí.

- Lập kế hoạch cụ thể theo quý/năm, tham mưu UBND xã phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Thống kê tổng hợp danh sách người lao động trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người cao tuổi trên địa bàn xã gửi về Trung tâm y tế khu vực để xây dựng kế hoạch khám sức khỏe định kỳ.

- Lập hồ sơ quản lý hồ sơ sức khỏe người dân.
- Tổ chức truyền thông, vận động người dân tham gia khám sàng lọc, khám sức khỏe định kỳ.
- Phối hợp với các trường học trên địa bàn tổ chức khám sức khỏe cho học sinh vào đầu năm học mỗi năm.
- Báo cáo kết quả thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc cho người dân về Trung tâm y tế khu vực trước ngày 05 hàng tháng.

6. Đề nghị UBND các xã, phường

- Chỉ đạo tổ chức triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc trên địa bàn. Ban hành kế hoạch thực hiện hằng năm và theo từng đợt; chỉ đạo các thôn, bản, tổ dân phố phối hợp triển khai.
- Chỉ đạo Trạm Y tế xây dựng kế hoạch chi tiết (đối tượng, thời gian, địa điểm, nhân lực, kinh phí...). Tổ chức rà soát, thống kê đầy đủ các nhóm đối tượng: trẻ em, học sinh, người lao động, người cao tuổi, phụ nữ mang thai...
- Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp; huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác.
- Chỉ đạo đẩy mạnh truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh, các cuộc họp thôn, bản. Tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc bệnh. Vận động người dân tham gia đầy đủ, đúng thời gian, đặc biệt đối với các nhóm nguy cơ cao.
- Chỉ đạo Trạm Y tế phối hợp với: Các trường học trên địa bàn để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; phối hợp với các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị để khám cho người lao động.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai tại các thôn, bản, tổ dân phố. Đảm bảo việc thực hiện đúng kế hoạch, đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng chuyên môn. Kịp thời phát hiện, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.
- Chỉ đạo cập nhật, quản lý hồ sơ sức khỏe người dân trên địa bàn. Đảm bảo việc theo dõi, quản lý liên tục các đối tượng sau khám, đặc biệt là người mắc bệnh mạn tính.
- Chỉ đạo Trạm Y tế tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đợt xuất.

Trên đây là Hướng dẫn Khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh của Sở Y tế Lào Cai./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (bc);
- BGĐ Sở;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các phòng chức năng thuộc sở;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
- Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh;
- Các TTYT KV;
- Các Trạm Y tế xã;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bích Vân